ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG SẦM SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3828 /QĐ-UBND	*Sầm Sơn, ngày 08 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Ngô Hữu Tòng (đã chết) và bà Phạm Thị Nga có đất thu hồi để thực hiện dự án Khu tái định cư Khu phố Công Vinh, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn (nay là phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG SẦM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 về việc Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 quy định cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị Quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về Quyết định bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 41/2026/QĐ-UBND ngày 28/05/2026 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 75/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi; việc hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Số 132/2025/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 về việc ban hành quy định về bồi thường,

hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 17/2026/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 Ban hành Quy định hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức giao đất ở, giao đất chưa sử dụng cho cá nhân; hạn mức giao đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân; diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 37/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 số 21/2026/QĐ-UBND ngày 18/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chi tiết một số điều Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; số 21/2026/QĐ-UBND ngày 18/3/2026 về việc Ban hành Quy định chi tiết một số điều Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; số 19/2026/QĐ-UBND ngày 14/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 Ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị Quyết số 46/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc Quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án Khu tái định cư Khu phố Công Vinh, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Sầm Sơn: Quyết định số 1982/QĐUBND ngày 06/5/2019 phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu 2 tái định cư khu phố Công Vinh, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn; Quyết đinh số 3960/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư Khu phố Công Vinh, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn; Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu TĐC khu phố Công Vinh, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn; Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Khu tái định cư Khu phố Công Vinh, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 3624/TB-UBND ngày 14/5/2026 của UBND phường Sầm Sơn về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư Khu phố Công Vinh, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn;

Xét Tờ trình số 219/TTr-HĐBT ngày 02/11/2026 của Hội đồng BTHT, TĐC về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Ngô Hữu Tòng (đã chết) và bà Phạm Thị Nga để thực hiện

dự án Khu tái định cư Khu phố Công Vinh, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn; Biên bản thẩm định phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị ngày 06/11/2026;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Ngô Hữu Tòng (đã chết) và bà Phạm Thị Nga để thực hiện dự án Khu tái định cư Khu phố Công Vinh, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá, bao gồm:

1. Diện tích bồi thường, hỗ trợ:

Thu hồi diện tích **1.279,5m²** đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02, tại phường Sầm Sơn.

Vị trí, ranh giới khu đất: Được xác định theo Mảnh Trích đo địa chính số 02/TĐĐC-2020 ngày 01/10/2020 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa; Mảnh trích đo địa chính khu đất số số 1436/ĐĐHT-MTĐĐC ngày 19/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Sầm Sơn.

2. Chế độ chính sách áp dụng:

- Giá bồi thường, hỗ trợ về đất: Áp dụng theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh và Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh.

- Giá bồi thường về cây trồng, vật nuôi: Áp dụng theo Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Giá bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: Áp dụng theo Quyết định số 41/2026/QĐ-UBND ngày 28/05/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Chính sách hỗ trợ: Áp dụng theo Quyết định số 132/2025/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 21/2026/QĐ-UBND ngày 18/3/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Ngô Hữu Tòng (đã chết) và bà Phạm Thị Nga: 346.947.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).*

Trong đó:

- Kinh phí bồi thường về đất: 70.373.000 đồng
- Kinh phí bồi thường về tài sản, vật kiến trúc: 35.744.000 đồng

- Kinh phí bồi thường về cây trồng, vật nuôi: 64.877.000 đồng

- Kinh phí hỗ trợ: 175.953.000 đồng

4. Kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 10.408.000 đồng *(Bằng chữ: Mười triệu, bốn trăm linh tám nghìn đồng).*

(Kèm theo Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)

5. Phương án bố trí tái định cư: không đủ điều kiện bố trí tái định cư.

6. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ ngân sách phường và các nguồn huy động hợp pháp khác (được hoàn trả từ nguồn thu tiền sử dụng đất của dự án).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có trách nhiệm:

- Phối hợp với UBND phường Sầm Sơn tổ chức phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Gửi Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt đến hộ gia đình có đất bị thu hồi. Thông báo thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Trong thời hạn 30 ngày Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình có đất bị thu hồi; quản lý diện tích đất đã giải phóng mặt bằng theo quy định.

- Trường hợp hộ gia đình không nhận phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (hoặc vắng mặt) thì thực hiện gửi bằng thư bảo đảm qua đường bưu điện; phối hợp với UBND phường Sầm Sơn thực hiện thông báo trên các phương tiện đại chúng, đồng thời lập biên bản xác nhận, làm cơ sở giải quyết các vấn đề có liên quan theo quy định.

- Trình UBND phường thu hồi đất theo quy định.

- Trường hợp gia đình không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc trường hợp đất thu hồi, tài sản đang có tranh chấp thì tiền bồi thường, hỗ trợ được gửi vào tài khoản tiền gửi của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mở tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo lãi suất không kỳ hạn. Tiền lãi từ khoản tiền bồi thường, hỗ trợ được trả cho người có quyền sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản được bồi thường, hỗ trợ.

2. UBND phường Sầm Sơn, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 1 điều này.

3. Hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi có trách nhiệm bàn giao bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất hoặc các giấy tờ về quyền sử dụng đất cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai vào số tiền được bồi thường, hỗ trợ trên cơ sở thông báo của cơ quan thuế (nếu có) và trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, người có đất thu hồi phải bàn giao đất cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4. Văn phòng HĐND&UBND phường Sầm Sơn chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của phường Sầm Sơn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND phường; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Kho bạc nhà nước khu vực XI; Thuế cơ sở 2 tỉnh Thanh Hoá; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Sầm Sơn; Giám đốc Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai Sầm Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; hộ ông Ngô Hữu Tòng (đã chết) và bà Phạm Thị Nga chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường (để b/cáo);
- Lưu: VT, KTHT&ĐT (Lâm).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG SẦM SƠN T.THANH HÓA

Lê Huy Hưng

CHI TIẾT KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
cho hộ ông Ngô Hữu Tòng (đã chết) và bà Phạm Thị Nga
Để thực hiện dự án: Khu tái định cư Khu phố Công Vinh, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn (nay là phường Sầm Sơn)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của UBND phường Sầm Sơn)

- Địa chỉ: Tổ dân phố Quảng Cư, phường Sầm Sơn;
- Vị trí, diện tích, loại đất: Thửa đất số: 24, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 1.279,5m^2, loại đất BHK.

TT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐVT	Dài	rộng	Cao	KHỐI LƯỢNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN GIÁ (đồng)	MỨC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
	I. Bồi thường về đất					**1.279,5**			**70.373.000**
1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	m2				1.279,5	55.000	100%	70.372.500
	II. Tài sản gắn liền với đất								**35.744.000**
1	Nhà mái lợp tôn lạnh, tường xây gạch chỉ D110 nền lát gạch ceramic 400x400, tường trát vữa, quét sơn, điện nước chiếu sáng hoàn chỉnh cao 3,6m	m2	6,1	3,7		22,57	2.894.000	30%	19.595.274
-	*Tăng nền gạch*	*m2*				*22,57*	*51.000*	*30%*	*345.321*
-	*Giảm mái tôn*	*m2*				*22,57*	*-38.000*	*30%*	*-257.298*
2	Nhà bếp mái lợp tôn lạnh, xây gạch chỉ D110, nền BT gạch vỡ láng XM dày 0,1m	m2	2,7	3,5		9,45	1.451.000	30%	4.113.585
3	Bán bình mái tôn vĩ kèo sắt hộp cột trống ống kẽm	m2	6,1	3,8		23,18	375.000	30%	2.607.750
4	Nền lát gạch bát đỏ 400x400	m2	6,1	3,8		23,18	147.000	30%	1.022.238
5	Bể nước tường xây gạch chỉ D110	m3	1,5	1,2	1	0,436	2.306.000	30%	301.957

TT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐVT	Dài	rộng	Cao	KHỐI LƯỢNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN GIÁ (đồng)	MỨC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	*Đáy BTCT M200# dày 10cm*	*m3*	*1,5*	*1,2*	*0,1*	*0,18*	*3.935.000*	*30%*	*212.490*
6	Nền BT gạch vỡ láng vữa XM dày 0,1m	m2	5,3	4		21,2	80.000	30%	508.800
7	Chuồng trại xây gạch chỉ D110 mái pro XM nền láng vữa XM	m2	7,1	4,3		30,53	549.000	30%	5.028.291
8	Sân lát gạch bát hạ long	m2	7,1	2,0		14,2	147.000	30%	626.220
9	Chuồng trại tranh vắt, tranh tre nứa lá lợp tôn	m2	2,5	5,3		13,25	83.000	30%	329.925
10	Bể chứa nước thái tường xây gạch chỉ D110	m3	1,8	1,6	1,5	0,91	2.306.000	30%	629.178
-	*Đáy + nắp BTCT M200# dày 10cm*	*m3*	*1,8*	*1,6*	*0,1*	*0,576*	*3.935.000*	*30%*	*679.968*
	III. Bồi thường về cây cối, hoa màu:								**64.877.000**
1	Na B	cây				175	200.000	100%	35.000.000
2	Đu đủ A	cây				65	25.000	100%	1.625.000
3	Chuối B (cây mới trồng đến lúc cho thu hoạch lấy lá)	cây				811	3.000	100%	2.433.000
4	Chuối B (lấy lá)	cây				972	4.000	100%	3.888.000
5	Khế C	cây				3	200.000	100%	600.000
6	Xoan D=43cm	cây				3	273.000	100%	819.000
7	Chanh B	cây				1	140.000	100%	140.000
8	Sung D=10cm	cây				4	153.400	100%	613.600
9	Mãng cầu B	cây				18	200.000	100%	3.600.000

TT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐVT	Dài	rộng	Cao	KHỐI LƯỢNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN GIÁ (đồng)	MỨC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
10	Quýt b	cây				1	140.000	100%	140.000
11	Dừa E	cây				15	700.000	100%	10.500.000
12	Bạch đàn D=15cm	cây				1	135.000	100%	135.000
13	Bụi tre A	cây				67	30.000	100%	2.010.000
14	Xoài B	cây				16	200.000	100%	3.200.000
15	Sếu	cây				1	15.000	100%	15.000
16	Vông	cây				2	79.300	100%	158.600
	IV. Chính sách hỗ trợ:								**175.953.000**
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm	m2				1279,5	55.000	2	140.745.000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (thu hồi trên 70% diện tích đất NN)	Khẩu				6	5.868.000	100%	35.208.000
	V. Tái định cư								**0**
	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ								**346.947.000**
	Kinh phí Hội đồng (3%)								**10.408.000**
	TỔNG CỘNG								**357.355.000**